

Số: **29** /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **04** tháng **9** năm **2015**

## **THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi**

*Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Chăn nuôi,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 (sau đây gọi là Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT) như sau:**

1. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam là thức ăn chăn nuôi được Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi công nhận đủ điều kiện lưu hành tại Việt Nam sau khi đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận. Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi có trách nhiệm định kỳ hàng tháng tổng hợp, công bố Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để các tổ chức, cá nhân có liên quan truy cập, thực hiện.

Thời gian lưu hành của các sản phẩm thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam là 05 năm kể từ ngày được công nhận. Trước khi hết thời gian lưu hành 06 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đăng ký lại thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam tại Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.”

2. Điểm c khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Có kết quả khảo nghiệm trên vật nuôi đã được Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi công nhận (chỉ áp dụng đối với thức ăn chăn nuôi mới).”

3. Bãi bỏ cụm từ “Kết quả khảo nghiệm đối với thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh” tại gạch đầu dòng thứ 4 của điểm a khoản 3 Điều 5.

4. Điểm b khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.”

5. Điểm c khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 4A kèm theo Thông tư này) ngay sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

6. Điểm d khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận chất lượng, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 4A kèm theo Thông tư này) ngay sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

7. Điểm a khoản 2 Điều 21a được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hình thức kiểm tra: kiểm tra hồ sơ, kiểm tra cảm quan và lấy mẫu đại diện để phân tích tối thiểu 01 chỉ tiêu an toàn và 01 chỉ tiêu chất lượng trong tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đảm bảo cho việc đánh giá được độ an toàn và chất lượng của sản

phẩm kiểm tra. Cơ quan kiểm tra, Tổ chức được chỉ định xác định chỉ tiêu cụ thể và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng, an toàn của thức ăn chăn nuôi.”

8. Nội dung “Phương pháp phân tích” tại Phụ lục 19 được sửa đổi như sau: “Nêu tại khoản 7 Điều 1 Thông tư này.”

**Điều 2. Bổ sung Chương IVa của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT như sau:**

#### **“Chương IVa**

### **QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

#### **Điều 29a. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

1. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi phải phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (nếu có) và phải có các nội dung sau:

- a) Tên thức ăn chăn nuôi;
- b) Xuất xứ nguyên liệu trong chế biến;
- c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

2. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 29b của Thông tư này xác nhận.

#### **Điều 29b. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

1. Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện:

a) Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của Trung ương, phát hành toàn quốc;

b) Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao phạm vi toàn quốc.

2. Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện:

a) Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương;

b) Bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo;

c) Phương tiện giao thông;

d) Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao của địa phương;



- d) Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo;
- e) Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 29c. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

**1. Hồ sơ**

- a) Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi theo mẫu quy định tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao chụp văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (riêng đối với hồ sơ gửi các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương phải là bản sao chứng thực; trường hợp nộp trực tiếp là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu).
- c) Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất công bố, bao gồm: tên sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên các nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, công dụng, hướng dẫn sử dụng.
- d) Bản thuyết minh nội dung quảng cáo (nội dung quảng cáo, phương tiện quảng cáo, địa điểm quảng cáo, thời gian quảng cáo).

**2. Nộp hồ sơ**

- a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 29b của Thông tư này;
- b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

- a) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 29b của Thông tư này có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.
- b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 29b của Thông tư này cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi theo mẫu quy định tại Phụ lục 28 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2015.

#### Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ thuộc CP;
- Tổng cục Hải quan;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Lưu: VT, TCTS, CN. ☞



Phụ lục 27

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Số giấy phép hoạt động:.....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung  
quảng cáo đối với thức ăn chăn nuôi sau:

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy  
định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về  
quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm  
trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)

LawSoft \* Tel: +84-8-3930 3279 \* www.ThuVienP

Phụ lục 28

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên cơ quan chủ quản  
Tên cơ quan có thẩm quyền xác  
nhận nội dung quảng cáo  
thức ăn chăn nuôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
....., ngày.....tháng.....năm 20...

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Số: /20... /XNQK-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền).....xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail: .....

*có nội dung quảng cáo<sup>(1)</sup> các thức ăn chăn nuôi trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.*

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thức ăn chăn nuôi đúng nội dung đã được xác nhận./

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

1. Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.